SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
BỆNH VIỆN C

Số1421/TB-BVC
V/v Đề nghị báo giá hàng hóa, dịch vụ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sông Công, ngày 28 tháng 5 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp dịch vụ tại Việt Nam

Bệnh viện C có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu "**In mẫu biểu phục vụ công tác chuyên môn quý II năm 2026**" với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện C

Địa chỉ: Bệnh viện C, số 595 Trần Hưng Đạo, phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá

Họ tên: Hoàng Quốc Tuấn

Số điện thoại: 0968.828.935

Địa chỉ gmail: vanthu14bvc@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp: nhà cung cấp dịch vụ báo giá bằng văn bản, có chữ ký và dấu đỏ của đơn vị gửi về địa chỉ: Bệnh viện C, số 595 Trần Hưng Đạo, phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- Hoặc nhận qua Gmail: Nhà cung cấp dịch vụ báo giá bằng File mềm (bản PDF và văn bản Excel) gửi vào Gmail: vanthu14bvc@gmail.com.

4. Thời gian tiếp nhận báo giá từ: Từ 10 giờ 00 phút, ngày 28 tháng 5 năm 2026 đến trước 10 giờ 00 phút, ngày 02 tháng 6 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực báo giá: Tối thiểu 60 ngày kể từ ngày báo giá có hiệu lực.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục kèm mô tả yêu cầu tính năng, thông số kỹ thuật và thông tin liên quan (chi tiết theo bảng phụ lục kèm theo công văn này).

2. Địa điểm cung cấp: Phòng Hành chính quản trị Bệnh viện C, phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Tháng 6 năm 2026

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không có tạm ứng, thanh toán 1 lần bằng hình thức chuyển khoản sau khi nhận được hàng và đầy đủ hóa đơn, hợp đồng, biên bản bàn giao và nghiệm thu, bảng xác định khối lượng công việc hoàn thành, thanh lý hợp đồng.

5. Thông tin khác:

Báo giá bằng tiền đồng Việt Nam đã bao gồm thuế VAT và tất cả chi phí liên quan.

Rất mong nhận được sự quan tâm và gửi báo giá của Quý đơn vị.

Bệnh viện C xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu VT, HCQT (Tuanhq).

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH THÁI NGUYÊN
BỆNH VIỆN C

Lê Thị Thanh Bình

PHỤ LỤC

DANH MỤC HÀNG HÓA

(Kèm theo Yêu cầu báo giá ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Bệnh viện C)

STT	Danh mục mẫu biểu	Đơn vị tính	Quy cách	Số lượng
1	Bảng điểm Glasgow	Tờ	A3/1 mặt/in màu/giấy bóng định lượng 230g/m²	5
2	Bệnh án bỏng	Quyển	Khổ A3 / bìa ngoại định lượng ≥150g/m²/ 6 nan	30
3	Bệnh án da liễu	Quyển	Khổ A3 / bìa ngoại định lượng ≥150g/m²/ 6 nan	270
4	Bệnh án điều trị ngoại trú Bệnh u mô mềm đường tiêu hóa	Quyển	Khổ A3 / bìa ngoại định lượng ≥150g/m²/ 6 nan	10
5	Bệnh án điều trị ngoại trú đa u tủy xương	Quyển	Khổ A3 / bìa ngoại định lượng ≥150g/m²/ 6 nan	20
6	Bệnh án điều trị ngoại trú ung bướu	Quyển	A3/2 mặt/gấp đôi/ ≥24 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	50
7	Bệnh án mắt (Glôcôm)	Quyển	Khổ A3 / bìa ngoại định lượng ≥150g/m²/ 6 nan	100
8	Bệnh án mắt bán phần trước	Quyển	Khổ A3 / bìa ngoại định lượng ≥150g/m²/ 6 nan	50
9	Bệnh án nội	Quyển	Khổ A3 / bìa ngoại định lượng ≥150g/m²/ 6 nan	2.200
10	Bệnh án ngoại	Quyển	Khổ A3 / bìa ngoại định lượng ≥150g/m²/ 6 nan	3.300
11	Bệnh án ngoại trú nội thận tiết niệu	Quyển	Khổ A3/ gấp đôi/ 2 mặt/ 1 tờ/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa ngoại định lượng ≥150g/m²/ 3 nan	800
12	Bệnh án nhi	Quyển	Khổ A3 / bìa ngoại định lượng ≥150g/m²/ 6 nan	1.800
13	Bệnh án sản	Quyển	Khổ A3/ gấp đôi/ 2 mặt/ 1 tờ/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa ngoại định lượng ≥150g/m²/ 3 nan	900
14	Bệnh án sơ sinh	Quyển	Khổ A3 / bìa ngoại định lượng ≥150g/m²/ 6 nan	170
15	Bệnh án Tai Mũi Họng	Quyển	Khổ A3 / bìa ngoại định lượng ≥150g/m²/ 6 nan	120
16	Bệnh án truyền nhiễm	Quyển	Khổ A3 bìa ngoại định lượng ≥150g/m²/ 6 nan	1.100
17	Bệnh án ung bướu	Quyển	Khổ A3 bìa ngoại định lượng ≥150g/m²/ 6 nan	500
18	Bệnh án Y học cổ truyền	Quyển	Khổ A3 / bìa ngoại định lượng ≥150g/m²/ 6 nan	700
19	Bìa đóng chứng từ	Tờ	Bìa Dupnex Kích thước 7x30cm	500
20	Bìa kẹp A4	Tờ	Khổ A3/ gấp đôi 2 mặt giấy bóng định lượng 350/m2	5.000
21	Cam kết tự nguyện xin thực hiện kỹ thuật giảm đau sau phẫu thuật bằng phương pháp PCA	Tờ	Khổ A4/ 2 mặt định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92	330
22	Đơn thuốc	Tờ	Khổ A5/ 1 mặt định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92	550

STT	Danh mục mẫu biểu	Đơn vị tính	Quy cách	Số lượng
23	Giấy bóng in ảnh	Tờ	Khổ A4 định lượng 135 bóng	6.700
24	Giấy cam đoan tiêm thuốc cản quang	Tờ	Khổ A5/ 1 mặt định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92	1.200
25	Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu	Tờ	A4/2 mặt/ ≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	3.000
26	Giấy khai thác tiền sử người bệnh và chấp nhận chụp cộng hưởng từ	Tờ	A4/2 mặt/ ≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	500
27	Giấy khám sức khỏe công tác	Tờ	Khổ A3/ 2 mặt định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92	3.200
28	Giấy khám sức khỏe cho người dưới 18 tuổi	Tờ	Khổ A3/ 2 mặt định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92	50
29	Giấy khám sức khỏe lái xe theo mẫu BYT	Tờ	Khổ A3/ 2 mặt định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92	1.700
30	Giấy tạm gửi tiền viện phí	Tờ	Khổ A5/ 1 mặt định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92	20.000
31	Hồ sơ bệnh án phá thai	Quyển	Khổ A3/2 mặt/5 tờ/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 /bìa ofset định lượng ≥300g/m²	300
32	Hồ sơ xin việc	Bộ	Vỏ túi Duplex 2 tờ lõi	50
33	Nhãn hòa hợp	Tờ	Khổ A4 in mầu giấy Dcan bóng định lượng ≥120g/m²	300
34	Nhật ký SD trang thiết bị y tế	Quyển	Khổ A3/ gấp đôi/ 2 mặt/≥80 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	10
35	Phiếu Đảng viên	Tờ	Khổ A3/ 2 mặt định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92	100
36	Phiếu khảo sát ý kiến quý khách	Tờ	Khổ A5 định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92	3.000
37	Sổ bàn giao thuốc ngoài giờ	Quyển	A3/2 mặt/gấp đôi/≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng≥250g/m²	70
38	Sổ bàn giao thuốc, VTYT	Quyển	A4/2 mặt/gấp đôi/≥162 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	10
39	Sổ bàn giao thuốc, VTYT, tủ trực cấp cứu	Quyển	A4/2 mặt/gấp đôi/≥240 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	5
40	Sổ bàn giao vật tư y tế	Quyển	A3/2 mặt/gấp đôi/ ≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	3
41	Sổ cấy máu	Quyển	A3/2 mặt/gấp đôi/ ≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	3
42	Sổ đi buồng	Quyển	A3/2 mặt/gấp đôi/≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	80
43	Sổ điều trị mạn tính	Quyển	A4/ 2 mặt/ 16 trang/ định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa ngoại định lượng ≥150g/m²	100
44	Sổ giao ban	Quyển	A3/2 mặt/gấp đôi/ ≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	10

STT	Danh mục mẫu biểu	Đơn vị tính	Quy cách	Số lượng
45	Sổ họp bệnh nhân	Quyển	A3/2 mặt/gấp đôi/ ≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	1
46	Sổ kiểm nhập dược liệu, vị thuốc y học cổ truyền	Quyển	A3/2 mặt/gấp đôi/ ≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	10
47	Sổ kiểm nhập thuốc HC, vật tư YT tiêu hao	Quyển	A3/2 mặt/gấp đôi/≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	3
48	Sổ kháng sinh đồ	Quyển	A3/2 mặt/gấp đôi/ ≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	3
49	Sổ lập kế hoạch chăm sóc người bệnh	Quyển	A3/2 mặt/gấp đôi/ ≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	10
50	Sổ nuôi cấy	Quyển	A3/2 mặt/gấp đôi/ ≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	5
51	Sổ nhật ký nội kiểm	Quyển	A3/2 mặt/gấp đôi/ ≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	5
52	Sổ phát máu	Quyển	A3/2 mặt/gấp đôi/ ≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	5
53	Sổ TD XN tồn kho thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần	Quyển	A4/2 mặt/gấp đôi/ ≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	12
54	Sổ theo dõi sử dụng hoá chất tại khoa	Quyển	A3/2 mặt/gấp đôi/ ≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m132	5
55	Sổ theo dõi sử dụng thuốc độc nghiện, hướng thần tủ trực cấp cứu	Quyển	A4/2 mặt/ ≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	5
56	Sổ thường trực	Quyển	A3/2 mặt/gấp đôi/ ≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	3
57	Túi đựng phim XQ Scanner	Túi	Kích thước 38 x 45 cm Bìa Duplex định lượng ≥250g/m², in ảnh 2 mặt in 4 mầu	1.300
58	Túi đựng phim Xquang	Túi	Kích thước 25 x 35 cm in 2 mặt bìa việt trì định lượng ≥150g/m²	14.000
TỔNG CỘNG 58 DANH MỤC				